TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH K**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02/2/2024
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K

T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hồ Thị Hoa**
2. Ông **Nguyễn Tấn Để**

* Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thùy Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K: Ông **Trần Văn Ý** – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 182/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh K.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T1, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh K.

(Chị C; anh T1 có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:***

Vào năm 2000, chị có chung sống với anh Lê Văn T1 (không có đăng ký kết hôn). Trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp nhau về suy nghĩ và tính cách, anh T1 không có trách nhiệm với gia đình, làm có bao nhiêu tiền thì đánh bài, đá gà, chị nói thì anh đánh đập chị tàn nhẫn, chị bị bệnh anh T1 cũng không quan tâm đến, chị phải tự kiếm tiền để điều trị bệnh. Tuy vậy chị vẫn cố gắng chịu đựng nhưng thời gian kéo dài, anh vẫn chứng nào tật nấy, mâu thuẫn càng ngày càng phát sinh nhiều thêm, vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn T1.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Văn L, sinh ngày 03/03/2001; Lê Văn L1, sinh ngày 01/02/2009. Hiện Lê Văn L đã đủ tuổi trưởng thành tự lao động sinh sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, yêu cầu được nuôi dưỡng Lê Văn L1, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác, cũng không ai nợ vợ chồng.

*** Theo biên bản ghi lời khai ngày 21 tháng 12 năm 2023 và các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn T1 có ý kiến trình bày:**

Do quen biết anh và Nguyễn Thị C chung sống với nhau vào năm 2000 có làm đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống bên vợ; gia đình vợ có cho 02 công đất và 01 nền nhà. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng từ năm 2022 anh và con trai lớn đi làm ở thành phố mỗi lần về thì vợ anh hay kiếm chuyện chửi mắng, anh có nghe người ta nói vợ anh ngoại tình nhưng anh không quan tâm vì nghĩ vợ về bên mẹ vợ để chăm sóc cha mẹ vợ bệnh. Vợ chồng anh đã ly thân từ năm 2022 đến nay do vợ về bên nhà vợ lo cho cha mẹ vợ, cả anh vợ còn không biết vợ anh nộp đơn ly hôn.

Về con chung có 02 con chung là Lê Văn L, sinh ngày 03/03/2001; Lê Văn L1, sinh ngày 01/02/2009. Hiện Lê Văn L đã đủ tuổi trưởng thành tự lao động sinh sống, còn cháu Lê Văn L1 đã nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình.

Về tài sản chung: Xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Nay chị C yêu cầu ly hôn với anh thì anh đồng ý; về con chung Lê Văn L đã đủ tuổi trưởng thành tự lao động sinh sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; đồng ý tiếp tục giao Lê Văn L1 cho chị C nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Chị C, anh T1: Có đơn xin yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Lê Văn T1 xác định xác lập quan hệ vợ chồng năm 2000, nhưng không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị C và anh Lê Văn T1 là vợ chồng. Chị Nguyễn Thị C và anh Lê Văn T1 xác định có 02 con chung là Lê Văn L, sinh ngày 03/03/2001; Lê Văn L1, sinh ngày 01/02/2009. Chị C và anh T1 thống nhất thỏa thuận khi ly hôn, tiếp tục giao con chung là Lê Văn L1, sinh ngày 01/02/2009 cho chị C nuôi dưỡng, anh T1 không cấp dưỡng nuôi con; cháu Lê Văn L đã đủ tuổi trưởng thành tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của anh, chị. Về tài sản chung: Chị C và anh T1 thống nhất tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về nợ chung: Anh, chị xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C và bị đơn anh Lê Văn T1 có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh, chị trong vụ án này.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị C và anh Lê Văn T1 thống nhất trình bày hai anh, chị tiến đến hôn nhân vào năm 2000, không có đăng ký kết hôn. Mặc dù anh chị trình bày không thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân nhưng căn cứ vào lời trình bày của các bên và kết quả của việc xác minh thu thập chứng cứ xác định chị C và anh T1 đã có thời gian ly thân khá lâu nhưng đến nay vẫn không thể hàn gắn đoàn tụ và nay anh chị cũng thống nhất ly hôn. Do anh, chị có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn, nhưng không đi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký theo quy định. Nay có tranh chấp xin ly hôn nên trường hợp này pháp luật quy định chị C và anh T1 không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Lê Văn T1 xác định, thống nhất thỏa thuận khi ly hôn, tiếp tục giao con chung là Lê Văn L1, sinh ngày 01/02/2009 cho chị C nuôi dưỡng, anh T1 không cấp dưỡng nuôi con; cháu Lê Văn L đã đủ tuổi trưởng thành tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy việc chị C và anh T1 thỏa thuận tiếp tục giao con chung là Lê Văn L1, sinh ngày 01/02/2009 cho chị C nuôi dưỡng là phù hợp. Bởi lẽ từ khi chị C và anh T1 ly thân cho đến nay, cháu L1 do chị C nuôi dưỡng và điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu L1. Riêng cháu Lê Văn L đã đủ tuổi trưởng thành tự lao động sinh sống được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc

thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

- Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị C không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Chị C và anh T1 xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị C và anh T1 xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 14, 15, 51, 53, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị C và anh Lê Văn T1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung là Lê Văn L1, sinh ngày 01/02/2009 cho chị C nuôi dưỡng, anh T1 không cấp dưỡng nuôi con do chị C không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

3. Về tài sản chung: Chị C và anh T1 xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị C và anh T1 xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị C đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003378 ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện A nên được cấn trừ xem như chị C đã thi hành xong phần án phí.

6. Chị Nguyễn Thị C, anh Lê Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh K;
- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND nơi ĐKKH (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU